

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 356/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh - Cán bộ hưu trí;

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Phó chủ tịch Hội
liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành
phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1907/2022/TLST-HNGĐ
ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 359/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, Quyết định
hoãn phiên tòa số 442/2022/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc T, sinh năm 1994

Địa chỉ: C, tổ T, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1987

Địa chỉ: B, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Chị T - có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K - Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn và bản tự khai nguyên đơn là chị
Bùi Ngọc T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Duy K yêu thương nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn vào
năm 2014 và đã được Ủy ban nhân dân phường T cấp giấy chứng nhận kết hôn số
208/2014. Quá trình chung sống, hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát
thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm

sống, không thể hàn gắn được tình cảm và đã không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 4/2022. Chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy K.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 11/10/2016. Tại đơn khởi kiện chị T có nguyện vọng được giao con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục yêu cầu anh K cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi xét thấy điều kiện hiện nay chị T có thể tự nuôi dưỡng con chung nên chị tạm thời không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai với bị đơn là anh Nguyễn Duy K trình bày:

Anh K và chị Bùi Ngọc T kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2014. Hôn nhân là tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối tháng 4/2022 chị T đã tự ý dọn về nhà mẹ ruột ở khu phố M, phường T sống đến nay. Anh K không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 11/10/2016. Anh không đồng ý ly hôn nên muốn chị T và anh sẽ tự giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: anh K xác định không có.

Ngoài ra, anh K trình bày; anh không đồng ý ly hôn và là người theo đạo Thiên Chúa nên không đồng ý ký vào biên bản lấy lời khai hay các biên bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh K; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 11/10/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết; Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Duy K là bị đơn cư trú tại; B, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[1.2]. Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh K.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Ngọc T và anh Nguyễn Duy K làm thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 208/2014 ngày 20/9/2014. Căn cứ vào Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2000, hôn nhân giữa chị T, anh K là hôn nhân hợp pháp.

Chị T và anh K đều thừa nhận anh, chị đã không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 4/2022. Chị T cho rằng vợ chồng chỉ sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được tình cảm. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K và yêu cầu không tiến hành hòa giải thêm nữa. Anh K thì cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2022 có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân Phường T đối với cha mẹ ruột anh K thì ông bà xác định; khoảng tháng 4/2022 không rõ nguyên nhân gì, chị T đã dọn về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Tòa án đã triệu tập hòa giải đoàn tụ nhưng chị T đề nghị không tiến hành hòa giải, anh K vắng mặt không có lý do nên có cơ sở chứng minh chị T đã cương quyết ly hôn; anh K bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm và hàn gắn gia đình. Mặc dù, chính anh K cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị T, không đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh K là có thật. Hôn nhân giữa chị T và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn anh K.

[2.2]. Về con chung:

Chị T, anh K đều xác định có 01 con chung với nhau, tên Nguyễn Duy A, sinh ngày 11/10/2016. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Nguyễn Duy A hiện nay dưới 7 tuổi, đang sống ổn định cùng với chị T. Từ khi chị T, anh K không còn chung sống với nhau thì cháu Nguyễn Duy A được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khỏe mạnh và phát triển bình thường. Về điều kiện nuôi con thì chị T có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định. Anh K cho rằng muốn chị T và anh K tự giải quyết với nhau nhưng không gặp chị T. Mặt khác, anh K vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt cho con chung, không

làm xáo trộn đời sống tâm sinh lý cũng như việc ăn ở, học hành của con chung, cần phải giao cháu Nguyễn Duy A cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, chị T yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ (Năm triệu đồng) mỗi tháng. Tuy nhiên, sau khi xét thấy điều kiện hiện nay chị T có thể tự nuôi dưỡng con chung nên chị T thay đổi ý kiến không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[2.3]. Về tài sản chung: chị T, anh K xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: chị T, anh K xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84. 110 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Duy K.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 11/10/2016 cho chị Bùi Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tạm thời, anh Nguyễn Duy K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003376 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đương sự đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND ND nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Huy Công